

VỀ Chương trình Phụng Hoàng của Mỹ tại Nam Việt Nam.

Nguồn: Edward Miller, “Behind the Phoenix Program”, The New York Times,
29/12/2017.

Biên dịch: Phan Nguyên

Vào cuối tháng 12/1967, Chính phủ Nam Việt Nam tuyên bố tái tổ chức nỗ lực chiến tranh của mình nhằm chống lại phong trào nổi dậy của lực lượng cộng sản. Có hiệu lực ngay lập tức, tất cả các hoạt động chống nổi dậy của Nam Việt Nam đều trở thành một phần của một chương trình mới được gọi là Phụng Hoàng, tên của một loài chim linh thiêng gắn liền với hoàng gia và quyền lực trong truyền thống văn hóa Việt Nam và Trung Quốc. Đáp lại động thái của Nam Việt Nam, các quan chức Hoa Kỳ ở Việt Nam bắt đầu gọi các nỗ lực phối hợp chống nổi dậy của họ với tên gọi Phoenix, tên gọi gần gũi nhất trong văn hóa phương Tây với loài vật huyền thoại này.

Chương trình Phụng Hoàng sẽ trở thành một trong những khía cạnh gây tranh cãi nhất trong cuộc chiến của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Được bảo trợ bởi Cục Tình báo Trung ương (CIA), Chương trình Phụng Hoàng sử dụng các lực lượng bán quân sự nhằm tấn công các đặc vụ cộng sản nằm vùng tại các thôn làng khắp Nam Việt Nam. Các nhân chứng cáo buộc rằng các thành viên của chương trình cùng các cố vấn Hoa Kỳ của họ thường xuyên tiến hành tra tấn, sát hại và ám sát, những cáo buộc mà các quan chức Mỹ đã bác bỏ.

Cho tới ngày nay, cuộc tranh luận về Chương trình Phụng Hoàng vẫn tập trung chủ yếu vào vai trò của CIA và các cá nhân người Mỹ trong chương trình này. Nhưng đại bộ phận nhân sự của Chương trình Phụng Hoàng, như binh sĩ, thẩm vấn viên và nhà phân tích, đều là người Việt Nam. Tìm hiểu vai trò của các nhân sự Việt Nam trong chương trình Phụng Hoàng mang lại những góc nhìn khác biệt về nguồn gốc và tầm quan trọng của chương trình này.

Trong tất cả những người Việt Nam đóng góp cho Chương trình Phụng Hoàng, có lẽ nhân vật nhiều ảnh hưởng nhất là một sĩ quan quân đội Nam Việt Nam tên là Trần Ngọc Châu. Lúc còn trẻ, ông Châu đã đi theo phong trào độc lập Việt Minh và nhà lãnh đạo cuốn hút của phong trào này là Hồ Chí Minh. Ông từ chối gia nhập Đảng Cộng sản của ông Hồ và trở nên khó chịu với việc Việt Minh ngày càng nhấn mạnh đấu tranh giai cấp. Năm 1950, ông đào ngũ sang phía chính phủ chống cộng do Pháp hậu thuẫn.

Ông Châu cuối cùng đã thu hút được sự chú ý của Tổng thống Ngô Đình Diệm, người giao cho ông làm về chiến lược và chiến thuật chống nổi dậy. Năm 1962, ông Diệm bổ nhiệm ông Châu làm tỉnh trưởng Kiên Hòa (Bến Tre ngày nay – ND), một tỉnh lớn thuộc Đồng bằng sông Cửu Long. Ông Châu dành phần lớn trong khoảng thời gian 3 năm ở Kiên Hòa để thử nghiệm các phương pháp chống nổi dậy khác nhau.

Ông Châu nhanh chóng nhận thấy chính phủ đối mặt với một số vấn đề liên quan tới nhau ở Kiến Hòa. Tỉnh này được coi là “chiếc nôi của cách mạng” bởi vì các cán bộ Cộng sản đã tổ chức một trong những cuộc nổi dậy địa phương đầu tiên chống lại Diệm tại một trong những huyện của tỉnh này vào năm 1960. Hơn nữa, ông Châu sau này hồi tưởng lại rằng hệ thống tình báo của chính phủ “như một trò đùa” bởi vì nó phụ thuộc vào những người cung cấp tin đã làm cho nhà nước trong nhiều năm và thường được cung cấp tin giả bởi kẻ thù. Do đó, các lực lượng chính phủ tại Kiến Hòa thường không biết những người nổi dậy là ai và họ đang hoạt động tại đâu. Thay vì tiến hành các chiến dịch có mục tiêu chọn lọc dựa trên các thông tin tình báo chính xác, các chỉ huy thường sử dụng các chiến dịch hỏa lực mạnh làm chết hoặc bị thương người dân địa phương. Dân làng càng trở nên tức giận hơn bởi các quan chức và sĩ quan cảnh sát địa phương, nhiều người trong số đó rất bất tài, tham nhũng, hoặc cả hai.

Để khắc phục những vấn đề này, ông Châu đã thiết kế nên chương trình Điều tra dân số kết hợp khảo sát ý kiến về các bất bình của người dân (Census – Grievance – sau đây gọi là Chương trình điều tra – khảo sát). Thông qua sáng kiến này, các nhóm cán bộ được phái xuống các thôn làng do chính phủ kiểm soát. Sau khi tiến hành điều tra dân số, các thành viên bắt đầu tiến hành hàng ngày các cuộc phỏng vấn bắt buộc đối với từng người lớn. Các câu hỏi có vẻ như vô thưởng vô phạt, ví dụ như ông bà có nhận thấy điều gì bất thường gần đây không, hay chính phủ có thể làm gì để giúp đỡ ông bà và gia đình. Các câu hỏi này một phần là nhằm tạo điều kiện cho người dân nêu lên những bất bình về các quan chức địa phương tham nhũng, những người mà ông Châu sau đó có thể kỷ luật hoặc cách chức. Nhưng mục tiêu cuối cùng là nhằm thu thập thêm các thông tin chính xác hơn về kẻ thù.

Sáng tạo thứ hai của ông Châu là việc tạo ra cái mà ông gọi là các Đội chống Khủng bố, tiền thân của Chương trình Phụng Hoàng. Được thành lập với sự hỗ trợ từ CIA, các đội nhóm này bao gồm các nhóm nhỏ nhân viên được huấn luyện để tiến hành các chiến dịch bí mật trong các vùng lãnh thổ do kẻ thù kiểm soát. Khi ông Châu nhận được tin tức tình báo về nhân dạng và vị trí của các đặc vụ kẻ thù, ông liền cử Đội chống Khủng bố tới giết hoặc bắt sống họ. Theo cách này, ông Châu và các đối tác CIA hy vọng có thể làm tiêu hao và tiêu diệt những gì mà sau này họ gọi là cấu trúc Việt cộng, tức mạng lưới các cán bộ và đặc vụ cộng sản nằm vùng trong dân cư nông thôn.

Ông Châu nhận thức rất rõ rằng các phương pháp của mình rất dễ bị lạm dụng. Một chủ doanh nghiệp bất lương trong làng có thể lợi dụng chương trình Điều tra – khảo sát để thuyết phục chính phủ rằng đối thủ địa phương của mình là một người cộng sản. Và các thành viên của Đội chống Khủng bố nếu không được huấn luyện và giám sát kỹ lưỡng có thể cảm thấy và hành động như thể họ được phép tiến hành giết người. Nhằm chống lại những vấn đề như vậy, ông Châu đã bổ nhiệm các thanh tra viên để điều tra các báo cáo về các sai phạm của cán bộ, quan chức. Ông cũng tuyên bố rằng việc sử dụng các lực lượng sát thủ sẽ chỉ là phương

thức cuối cùng, chỉ được áp dụng sau khi các nỗ lực nhằm thuyết phục các đặc vụ của kẻ thù đào ngũ sang phe Chính phủ thất bại.

Mặc dù ông Châu nói tiếng Anh với giọng nặng nhưng ông có thể trình bày các ý tưởng của mình về chống nổi dậy theo một phương thức đơn giản và dễ hiểu, khiến cho ông trở nên nổi tiếng với các cố vấn Hoa Kỳ. Daniel Ellsberg, nhà phân tích của Công ty RAND mà sau này trở thành một nhà hoạt động phản chiến, đã gặp ông Châu khoảng giữa những năm 1960 và coi ông là chuyên gia Việt Nam hàng đầu về quy trình bình định hóa. Ông Châu cũng tương tác và làm việc với John Paul Vann, William Colby, Edward Lansdale và những nhân vật tiêu biểu khác trong đội ngũ chống nổi dậy của Hoa Kỳ. Những người Mỹ này đặc biệt thích việc ông Châu khẳng định rằng có thể tiến hành chống nổi dậy theo một phương thức nhân văn, có đạo đức, và làm giảm các thiệt hại không mong muốn đối với sinh mạng và tài sản của thường dân.

Nhờ một phần vào sự hỗ trợ của các bạn bè Hoa Kỳ, ông Châu đã được bổ nhiệm vào cuối năm 1965 làm lãnh đạo một chương trình huấn luyện chống nổi dậy mới dành cho cán bộ Nam Việt Nam. Sự đề bạt của ông là một phần trong nỗ lực của CIA nhằm thiết kế một chiến lược chống nổi dậy trên cả nước dành cho Nam Việt Nam, những nỗ lực mà cuối cùng dẫn tới sự hình thành Chương trình Phụng Hoàng. Trong quá trình thiết kế Chương trình Phụng Hoàng, các quan chức CIA đã đưa vào các ý tưởng của chương trình Điều tra – Khảo sát nhằm thu thập thông tin tình báo từ dân làng. Ảnh hưởng của ông Châu cũng rất rõ ràng trong bộ phận sau này trở thành phần gây tranh cãi nhất của Chương trình Phụng Hoàng, đó là các biệt đội chống khủng bố tinh nhuệ được gọi là các Đơn vị Thám sát Tỉnh (PRU). Được tuyển mộ và huấn luyện bởi CIA, các đơn vị này tiến hành hàng chục nghìn vụ “bắt và giết” các đặc vụ của kẻ thù từ năm 1968 tới năm 1972.

Tuy nhiên, có phần bất ngờ khi ông Châu không thực sự tham gia vào việc thiết kế hay thực hiện Chương trình Phụng Hoàng. Với tư cách là người đứng đầu của chương trình đào tạo cán bộ quốc gia Nam Việt Nam, ông sớm trở nên thất vọng với tình trạng đấu đá chính trị bất tận giữa các lãnh đạo cấp cao. Năm 1967, ông Châu rời bỏ vị trí chính thức của mình và giành được một ghế dân biểu trong Quốc hội Nam Việt Nam.

Sau đợt Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, ông Châu bắt đầu kêu gọi một giải pháp thương lượng dành cho cuộc chiến. Điều này khiến ông trở thành kẻ thù của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, người cho bắt giam, xét xử và tống giam ông về tội phản quốc. Ông sống phần thời gian còn lại của cuộc chiến trong tù hoặc trong tình trạng quản thúc tại gia. Sau chiến thắng của miền Bắc năm 1975, ông bị tống giam một lần nữa, lần này là trong một trại cải tạo của cộng sản. Ông được cho ra tù năm 1978 và di cư sang Mỹ cùng với gia đình.

Trong những thập niên sau khi Chiến tranh Việt Nam kết thúc, ông Châu và những người Mỹ ủng hộ ông đã than phiền rằng việc ông bị hạ bệ vừa là một sự

phản bội vừa là một cơ hội bị bỏ lỡ. Theo quan điểm của họ, ông Châu đã thiết kế nên một công thức chống nổi dậy có hiệu quả: Bằng cách lôi kéo người dân địa phương ở Kiến Hòa tham dự thông qua các chương trình Điều tra – khảo sát, ông đã giành được trái tim và lý trí của họ trong khi vẫn có thể tiếp tục thu thập được các thông tin tình báo mà các Đội chống Khủng bố sử dụng để truy tìm các mạng lưới bí mật của kẻ thù. Tuy nhiên, ông Châu cũng tin rằng lãnh đạo cấp cao của CIA đã không thể hiểu được những thành tố cốt lõi trong cách tiếp cận của ông.

Mặc dù Chương trình Phụng Hoàng vay mượn một số khía cạnh của mô hình Kiến Hòa, ông kết luận rằng nó quá nhấn mạnh sử dụng vũ lực và không coi trọng việc huy động người dân. Kết quả là ông Châu và các bạn bè người Mỹ của ông coi Chương trình Phụng Hoàng như là một sự “suy đồi hóa” các ý tưởng ban đầu của ông Châu. Ông Châu đã trình bày cách diễn giải này trong các cuộc phỏng vấn, trong cuốn hồi ký bằng tiếng Anh xuất bản năm 2012 của ông, và trong bộ phim tài liệu gần đây The Vietnam War của Ken Burns và Lynn Novick.

Nhưng ông Châu đã thực sự đạt được những thành tựu gì ở Kiến Hòa? Những người ủng hộ ông thường dẫn các số liệu chính thức để chứng minh cho thành công của ông: Trong năm đầu tiên ông làm tỉnh trưởng, ước tính số dân thường sống trong vùng chính phủ kiểm soát của tỉnh đã tăng từ 80.000 lên 220.000 trong tổng dân số khoảng hơn nửa triệu người. Tuy nhiên, chính ông Châu cũng thường nói rằng những thành tựu đó ít có ý nghĩa nếu người dân địa phương không ủng hộ chính phủ và các tuyên bố của chính phủ về đảm bảo chủ quyền quốc gia – một nhiệm vụ tỏ ra quá khó khăn tại Nam Việt Nam trong thời kỳ giữa những năm 1960. Tính chất ngăn ngui trong các thành quả của ông Châu đã bộc lộ rõ sau khi ông rời tỉnh Kiến Hòa: lực lượng cộng sản nhanh chóng giành lại phần lớn lãnh thổ và dân cư và họ đã mất.

Thành quả cụ thể nhất của ông Châu tại Kiến Hòa đó là chương trình Điều tra – khảo sát dân cư. Như một sử gia của CIA sau này ghi nhận, chương trình tỏ ra là một công cụ hiệu quả nhằm tạo ra các thông tin tình báo khả dụng về các lực lượng và đặc vụ của kẻ thù. Nhưng hiệu quả của nó bắt nguồn chủ yếu không phải từ việc giành được sự ủng hộ của công chúng là từ việc giám sát họ.

Thực sự, chương trình không chỉ thu thập thông tin tình báo về “cấu trúc Việt Cộng”, nó còn tổng hợp các thông tin chi tiết về mọi cư dân tại từng thôn ấp nơi chương trình được triển khai. Những thông tin này bao gồm dữ liệu về quan hệ họ hàng, các mối liên hệ chính trị, tôn giáo, và cả tình trạng sở hữu tài sản. Như ông Châu thừa nhận, các thông tin này thường được sử dụng để gây áp lực lên các gia đình và toàn bộ cộng đồng buộc họ tuân theo các chỉ thị của chính phủ. Về khía cạnh này, chương trình ít tích cực và mang nhiều tính cưỡng bức hơn so với những người thúc đẩy nó thừa nhận.

Việc sử dụng các đội chống khủng bố ở Kiến Hòa cũng đôi lần không thể tuân theo các nguyên tắc tốt đẹp mà ông Châu đã đề ra. Bằng cách nhắm vào những

cán bộ cộng sản cụ thể để “vô hiệu hóa” họ, chương trình đã làm gia tăng sức ép quân sự và tâm lý lên kẻ thù. Các chỉ huy cộng sản phản ứng lại bằng cách treo thưởng đặc biệt cho bất cứ người nào trong đơn vị của họ có thể tiêu diệt được một thành viên của đội chống khủng bố. Cuộc đấu tranh giữa hai bên nhanh chóng trở thành cuộc nội chiến ở cấp độ cộng đồng mà trong đó lời hứa của ông Châu rằng sẽ chỉ sử dụng vũ lực như là phương tiện cuối cùng thường bị phá vỡ. Khi một tuyên truyền viên cộng sản phân phối các tờ bướm ca ngợi một người bắn tỉa du kích tiêu diệt được một cô vận quân sự Mỹ ở Kiến Hòa, ông Châu đã ra lệnh cho Đội chống Khủng bố thâm nhập vào thôn do kẻ thù kiểm soát nơi người lính bắn tỉa đang sống. Các thành viên của nhóm đã giết chết người lính bắn tỉa bằng cách tung lựu đạn vào nhà của anh ta trong lúc anh ta đang ngủ.

Những người chỉ trích hoạt động chống nổi dậy ở Việt Nam nhiều khả năng sẽ coi câu chuyện tiêu diệt tay súng bắn tỉa trên như là bằng chứng cho thấy các hoạt động của ông Châu ở Kiến Hòa đơn thuần chỉ là một chương trình ám sát. Ông Châu và những người bảo vệ ông có thể phản bác rằng những hành động giết chóc như vậy là cần thiết và được biện minh bởi việc những người cộng sản sử dụng biện pháp ám sát có chọn lọc, và rằng việc thi thoảng triển khai những chiến thuật như vậy nên được nhìn nhận trong bối cảnh những nỗ lực rộng lớn hơn của ông nhằm giành được trái tim và khối óc của người dân. Nhưng cả hai lập luận này làm giảm ý nghĩa của những thành tố cốt lõi trong chiến tranh chống nổi dậy được tiến hành tại Việt Nam.



Ông Châu không đề xuất đánh bại cộng sản ở Kiến Hòa chỉ bằng cách ám sát họ. Ông tạo ra các đội Điều tra – khảo sát như là một phương tiện để thu hút sự ủng hộ của người dân trong cuộc chiến chống lại kẻ thù. Tuy nhiên, quy trình mà ông đề xuất nhằm giành được sự hợp tác của người dân không dựa vào việc giành được sự đồng thuận hay sự tự nguyện tham gia của họ. Các đội Điều tra – khảo sát đã mang lại cho chính phủ một phương thức áp đặt một hệ thống giám sát và kiểm soát lên toàn bộ các cộng đồng dân cư và thu thập các thông tin tình báo từ mỗi người dân. Trong khi ông Châu hy vọng rằng người dân sẽ cung cấp những thông tin tình báo này một cách tự nguyện, mục tiêu bao trùm của ông là thu được thông

tin cần thiết để phát hiện và phá hủy các mạng lưới bí mật của kẻ thù. Hơn nữa, dù việc theo đuổi mục tiêu này bao gồm các nỗ lực nhằm bắt giữ những đặc vụ của kẻ thù hoặc thuyết phục họ đầu hàng, nó cũng bao gồm rất nhiều vũ lực, bao gồm một số vụ ám sát. Trong tất cả những khía cạnh này, mô hình mà ông Châu thiết kế nên tại Kiến Hòa có nhiều điểm tương đồng với Chương trình Phụng Hoàng sau này.

Sự nghiệp của Trần Ngọc Châu chỉ ra một sự thật lớn hơn về hoạt động chống nổi dậy ở Việt Nam về về lịch sử của chiến tranh chống nổi dậy nói chung. Giống như các đối tác người Mỹ của mình, ông Châu đã thúc đẩy cái mà bây giờ được gọi là phương thức chống nổi dậy lấy dân cư làm trung tâm, một cách tiếp cận nhân mạnh việc bảo vệ và kiểm soát dân cư dân sự. Những người ủng hộ cách tiếp cận này thường mô tả nó như là một phương thức chiến tranh nhân bản, hoàn toàn phù hợp với pháp luật về chiến tranh, và với các lý tưởng tự do của người Mỹ.

Cách tiếp cận của ông Châu rõ ràng ít mang tính hủy diệt hơn so với những chiến thuật mà các chỉ huy Hoa Kỳ và Nam Việt Nam ưa thích, đó là chiến đấu với kẻ thù bằng đạn pháo và các cuộc không kích. Nhưng các phương pháp của ông cũng không hoàn toàn không đổ máu và chiến thắng mà ông muốn đạt được không dựa vào việc giành được trái tim và khối óc của người dân. Thay vào đó, cách tiếp cận của ông dựa rất nhiều vào việc thao túng, cưỡng ép, đe dọa và ám sát. Người Mỹ cần ghi nhớ những điều này khi nghĩ về các cuộc chiến tranh chống nổi dậy mà Mỹ tiếp tục tiến hành ngày nay.

(Edward Miller là phó giáo sư lịch sử tại Dartmouth College và là tác giả cuốn “Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam”.)

Đọc thêm về

Chương trình Phụng Hoàng Toàn Như (Phía VNCH)

Chương trình này được sự tham gia của nhiều cơ quan quân sự và dân sự của VNCH mà trong đó nòng cốt là lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia, nhằm vô hiệu hóa các tổ chức hạ tầng cơ sở của Việt Cộng. Chương trình này khởi thủy được phía Mỹ thực hiện từ năm 1967 dưới tên Phoenix Program, và sau đó chính phủ VNCH tiếp nối dưới tên Chương Trình Phụng Hoàng từ tháng 7, 1968, sau khi đã đẩy lui được cuộc tổng tấn công của Cộng Sản trong Tết Mậu Thân.

Trong chiến tranh VN một mạng lưới bí mật và phức tạp của Việt Cộng đã từ lâu tồn tại ở Việt Nam để cố chứng tỏ uy quyền của nó đối với dân chúng qua sự khủng bố và đe dọa. Mạng lưới này được gọi là hạ tầng cơ sở Việt Cộng (HTCSVC) nhằm để cung cấp những sự kiểm soát và chỉ đạo chính trị cũng như

quân sự của chúng tại các xã ấp.

Hạ tầng cơ sở Việt Cộng đã cung cấp nơi ẩn náu cho các cán binh xâm nhập đến từ các mật khu ở biên giới, nó cũng cung cấp những sự hướng dẫn cùng những tin tức tình báo cho các tân binh Bắc Việt vào Nam lần đầu tiên; đồng thời nó cũng còn thu thuế, khủng bố và tuyển mộ các thanh niên cho các lực lượng võ trang của nó. Trong năm 1969, quân khủng bố (VC) đã giết hại hơn 6,000 người, trong số đó có 1.200 người đã được chúng lựa chọn để ám sát. Ngoài ra còn có khoảng 15,000 người đã bị chúng gây thương tích. Trong số những người bị giết có khoảng 90 xã trưởng và các viên chức xã, 240 người là trưởng ấp và các viên chức ấp, 229 người là dân tị nạn (từ địa phương khác tới) và 4,350 thường dân.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 1963, sau vụ đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đến khoảng giữa năm 1965 với sự xuất hiện của các tướng lãnh, mọi cố gắng ngăn chặn chiến tranh của Miền Nam Việt Nam dường như đã bị chậm lại bởi sự bất ổn chính trị. Trong khoảng 19 tháng đó, những chương trình bình định xem ra cũng không hoạt động và sự an ninh tại nông thôn lại càng trở nên tồi tệ hơn bởi các HTCSVC đã biết lợi dụng sự bất ổn tại Sài Gòn. Cho đến năm 1965, tình hình đã trở nên nghiêm trọng đến nỗi các giới chức Mỹ và Việt Nam đã kết luận rằng, mọi cố gắng cho đến lúc đó – bao gồm các chương trình bình định, các cuộc hành quân tiêu trừ phiến Cộng và công cuộc cải tổ Quân Lực VNCH – chưa đủ để làm thất bại các hoạt động của cộng sản.

Tháng 3, 1966, Tổng Thống Lyndon B. Johnson chỉ định ông Robert W. Komer làm phụ tá đặc biệt tại Washington để hướng dẫn, phối hợp và giám sát các chương trình không quân sự (mà ông gọi là một “cuộc chiến tranh khác”).

Điều này đã chứng tỏ sự ưu tiên hàng đầu TT Johnson nhắm vào là sự bình định. Sau vài chuyến viếng thăm Việt Nam, Komer đã báo cáo rằng công cuộc bình định đang gặp bế tắc và đã đề nghị lên TT Johnson một số biện pháp để giải quyết. Theo Komer, cách tốt nhất làm suy yếu Việt Cộng là củng cố việc trợ giúp của Mỹ dưới một người quản lý duy nhất có quyền hạn rộng rãi.

Ngày 29 tháng 6, 1967, cơ quan tình báo MACV (tức Bộ Chỉ Huy Quân Sự Mỹ tại Việt Nam) đã tóm tắt một bản nghiên cứu về chiến lược của địch. Bản nghiên cứu đã dựa trên sự phân tích những bản phúc trình các nguồn tin, các báo cáo thẩm vấn và các tài liệu bắt được từ các hồ sơ lưu trữ của Mỹ và QLVNCH. Nó cho thấy HTCSVC là một mối đe dọa cho việc chiến thắng tại Việt Nam. Cũng trong năm đó, cơ quan tình báo CIA đã đề nghị tất cả các cơ quan tình báo Mỹ phải chú tâm vào việc thu thập các tin tức về HTCSVC ở các tỉnh, quận và Sài Gòn. Phượng Hoàng (Phoenix) (theo người Tây phương, là tên một loại chim trong huyền thoại Ai Cập đã chết đi rồi sống lại từ đồng xác tro của nó) đã trở thành một ám danh cho một chương trình nhằm vô hiệu hóa những hoạt động của địch.

Các giới chức tình báo Mỹ đã định nghĩa Phụng Hoàng như một nỗ lực nhằm hệ thống hóa việc phối hợp và khai thác các hoạt động tình báo. Thí dụ như trước khi có kế hoạch Phụng Hoàng, một quận có thể có tới 11 mạng lưới tình báo về phía đồng minh hoạt động riêng rẽ. Một số nhà quan sát đã cho rằng quận hạt đã có số người đưa tin và mật báo viên cho phía đồng minh được trả lương nhiều hơn là số lượng HTCSVC chính qui đã xâm nhập phải theo dõi.

Nhờ có chiến dịch Phụng Hoàng, tính đến tháng 6 năm 1970, đã có 91% trên tổng số 10,944 ấp được coi là an ninh hay tương đối an ninh, và 7.2% đang còn tranh chấp, và chỉ có 1,4% được coi như là do Việt Cộng kiểm soát.

Những con số đó đã chứng tỏ một sự suy giảm ảnh hưởng của HTCSVC.

Không ai biết được đã có bao nhiêu Việt Cộng đã điều hành “cái được gọi” là chính quyền trong bóng tối (tức là chính quyền do Việt Cộng thiết lập trong những vùng nông thôn ở Miền Nam Việt Nam; thường được hiểu là Chính quyền về Đêm), nhưng vào tháng 12, 1967, khi chương trình Phụng Hoàng được tung ra, người ta ước lượng rằng có khoảng 80,000 cán bộ trong đội ngũ HTCSVC. Ngay trong năm đầu tiên, mặc dù những cuộc tấn công của Cộng Sản trong tháng 2 và tháng 5, 1968 (Tết Mậu Thân) Phụng Hoàng đã loại bỏ gần 16,000 người khỏi những vị trí cơ sở của chúng.

Phụng Hoàng đã phối hợp sử dụng các nguồn tin từ các ủy ban tình báo hỗn hợp của chính quyền các cấp cho tới cấp quận. Các cố vấn Mỹ, kể cả CIA, đã tham dự trong nỗ lực gạn lọc các nguồn tin từ các mật báo viên, các người cho tin, các tù binh và nhiều nguồn khác. Việc triển khai được thực hiện bởi các đơn vị quân sự hay bán quân sự thi hành các nhiệm vụ bí mật với các toán đơn vị nhỏ xâm nhập vào các vùng do Việt Cộng kiểm soát, thường thường vào ban đêm.

Lúc ban đầu, Phụng Hoàng đã khuấy động sự nhiệt tình trong các người Mỹ hơn là người Việt Nam. Một sĩ quan chiến trường Mỹ đã nói trong năm 1968 là: “Chúng tôi đã trải qua hàng tháng để đưa ra những kế hoạch, những cố vấn, thiết lập các hồ sơ, các sự an toàn cho các tỉnh và quận – để rồi các bạn đặt tên cho nó – Đây là một chương trình của người Mỹ chứ không phải là một nỗ lực của chính phủ Việt Nam.” Thế nhưng điều này đã nhanh chóng chuyển đổi.

Trong một tỉnh gần Sài Gòn, dựa vào tin tức tình báo trong khoảng 2 tháng đã đưa đến việc bắt giữ hay ám sát 6 thành viên trong ủy ban HTCSVC cấp tỉnh, 3 thủ lĩnh HTCSVC cấp quận, 9 viên chức HTCSVC cấp quận khác và 31 cán binh xã ấp. Các cán bộ đã được huấn luyện, đặc biệt là ở cấp tỉnh, muốn thay thế họ cũng không phải là chuyện dễ.

Tổng Thống Johnson đã ủy nhiệm cho Tướng Westmoreland, tư lệnh MACV, kiểm soát cả hai lãnh vực dân sự và quân sự về bình định, và đồng thời chỉ định Komer làm phó cho Westmoreland đặc trách về bình định. Komer đứng đầu một

cơ quan mới thành lập (từ tháng 5, 1967) được đặt tên là Civil Operations and Revolutionary Development Support gọi tắt là CORDS (cơ quan này chúng ta vẫn gọi là Cơ Quan Dân Sự Vụ Hoa Kỳ) để thống nhất các nỗ lực về quân sự và dân sự trên mọi cấp.

Cộng Sản ở Việt Nam đã có nhiều năm kinh nghiệm trong những hoạt động bí mật. Để đối phó với loại hoạt động này, chính phủ VNCH sau vụ tấn công Tết Mậu Thân 1968, cũng đã triển khai một chương trình gọi là Phượng Hoàng (cũng là tên một loài chim trong cổ tích Việt Nam có sức mạnh huyền diệu). Bộ Lục Quân Mỹ đã đệ trình một bản phúc trình lên Thượng Nghị Sĩ William J. Fulbright, chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện, nói rằng:

“Phượng Hoàng là một kế hoạch của chính phủ Việt Nam nhằm mục đích tập trung và phối hợp mọi nỗ lực của các cơ quan quân sự và dân sự nhằm vô hiệu hóa các HTCSVC... Phượng Hoàng là một chính sách nhằm bảo vệ dân chúng khỏi sự khủng bố... Nền tảng của chương trình là một cố gắng phối hợp đầy đủ các hoạt động về tình báo của tất cả các cơ quan của chính phủ Việt Nam và của Mỹ nhằm vào các HTCSVC với mục đích muốn vô hiệu hóa những ảnh hưởng và sự kiểm soát của nó (HTCSVC) trên dân chúng.”

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu công bố chương trình này vào ngày 1 tháng 7, 1968, ngay sau cuộc tổng tấn công của Việt Cộng vừa chấm dứt. Tuy nhiên ông không nói cho biết rằng Phượng Hoàng chính là sự mở rộng chương trình Phượng Hoàng của Mỹ.

Chính phủ Việt Nam đã qui định những mức độ khác nhau về sự tham gia các hoạt động chính trị của Việt Cộng. Có 3 mức độ tham gia với những hình phạt khác nhau đã được ấn định. Loại A là các đảng viên, các viên chức địa phương hay cán bộ mặt trận quan trọng, sẽ nhận bản án là 2 năm. Loại B là các cán bộ quan trọng ở một trong các ủy ban nòng cốt như thu thuế hay tổ trưởng du kích, sẽ nhận bản án tối thiểu là một năm và tối đa là 2 năm. Loại C hay các cảm tình viên cộng sản nói chung, các cán bộ giao liên hay phụ tá hậu cần, hoặc là thành viên trong một tổ chức bán quân sự, sẽ nhận một bản án không quá một năm. Hầu hết những người loại C thường nhanh chóng được thả.

Chỉ tiêu do cơ quan CORDS đưa ra thường chỉ áp dụng cho loại A và B, chứ không áp dụng cho loại C. Các cố vấn Mỹ ước lượng có khoảng 20% các nghi can bị kết án trong năm 1969 và chỉ một tỷ lệ nhỏ trong số đó nhận bản án tối đa là 2 năm. Hầu hết họ chỉ bị án từ 3 đến 6 tháng.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã công khai hóa sự cần thiết của chương trình này nhằm bảo vệ dân chúng khỏi sự khủng bố, và kêu gọi dân chúng trợ giúp bằng cách cung cấp những thông tin cần thiết. Chương trình Phượng Hoàng Mỹ (Phoenix Program) được đặt dưới sự điều hành của cơ quan CORDS thuộc MACV. Người kế nhiệm Komer chỉ huy CORDS là Đại sứ William E. Colby kể

từ ngày 6 tháng 11, 1968.

Ông Colby từng làm trưởng phòng CIA ở Sài Gòn. Sự hiểu biết của ông đối với công việc của cơ quanCORDS thật là tuyệt vời. Trong Thế Chiến II, ông là thành viên OSS đã từng nhảy dù xuống ngay sau phòng tuyến để phối hợp hoạt động với các kháng chiến quân và hướng dẫn các cuộc hành quân phá hoại ở Na-Uy và Pháp đang do Đức chiếm đóng. Ông Colby sau đó đảm nhiệm chức vụ giám đốc CIA (tại Washington, D.C.).

Toàn bộ chương trình Phụng Hoàng nhằm vào công việc bình định. Công việc này bao gồm cả chương trình Chiêu Hồi của VNCH đã bắt đầu từ năm 1962. Đây là một chương trình có tính cách ân xá nhằm làm suy giảm lực lượng võ trang của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam. Trong năm 1969, đã có 47,000 cán binh Việt Cộng tự nguyện qui thuận chính phủ, họ đã được chăm sóc y tế, giúp đỡ về kinh tế và huấn nghệ trước khi được thả trở về đời sống dân sự hoặc được phép gia nhập vào quân đội VNCH. Năm 1970, con số đó là 32,000 người.

Chiến dịch Phụng Hoàng không phải là một chương trình ám sát mà là một chương trình tình báo... được thực hiện theo luật thời chiến. Sự hướng dẫn có đoạn nói: “Chương trình Phụng Hoàng (Mỹ) là một sự cố vấn, yểm trợ và giúp đỡ cho chương trình Phụng Hoàng của chính phủ Việt Nam nhằm làm giảm bớt ảnh hưởng và hiệu quả của các HTCSVC ở Miền Nam Việt Nam... Các cuộc hành quân chống HTCSVC bao gồm công việc thu thập tin tức tình báo để xác định lý lịch các thành viên kể cả những người đã bỏ hàng ngũ Việt Cộng trở về với chính phủ, bắt họ hoặc câu lưu họ để đưa họ ra trước một Ủy Ban An Ninh tỉnh để kết án theo luật định, và biện pháp cuối cùng, là sử dụng lực lượng quân sự và cảnh sát, nếu không còn cách nào khác, để ngăn ngừa họ thi hành các hoạt động bất hợp pháp có thể xảy ra.”

Một trong những yếu tố gây nên tranh cãi nhất của chương trình Phụng Hoàng là những chỉ tiêu về HTCSVC. Xuất hiện trước Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện vào năm 1970, Colby đã được hỏi: “Tiền có phải là động lực kích thích người Việt Nam hoạt động cho chương trình hay không?” Đại Sứ Colby đã trả lời: “Tiền đó không dành cho những người Việt điều hành chương trình. Đó là những phần thưởng được đặt ra công khai về những cá nhân nào đó đang bị truy nã. Có những bích chương và truyền đơn công bố một người nào đó đang bị truy nã bởi vì nó là thành viên của hạ tầng cơ sở và đã tham gia vào một hoạt động khủng bố và nếu tin tức được cung cấp đưa đến việc bắt giữ người ấy thì chắc chắn sẽ được thưởng... Tuy nhiên chính phủ Việt Nam đã cố gắng hết sức để có thể bắt sống hơn là giết chết bởi vì người sống có nhiều tin tức trong đầu sẽ giúp chúng ta được nhiều hơn trong tương lai.”

Được hỏi về những lý do đưa đến những con số HTCSVC bị giết hay bị loại ra khỏi cuộc chiến khá cao, Colby cho biết, “Trong năm 1969, con số bị bắt là 8,515 người, tái phối trí 4,832 người, và giết 6,187 người, nâng tổng số lên tới 19,534

người, 30% trong số đó đã bị giết. Con số bị giết bao gồm cả số người đã bị giết rồi mới phát hiện họ là những HTCSVC. Chẳng hạn, đã có những người bị giết trong một cuộc phục kích vào ban đêm ở ngoài một ngôi làng cùng với một số người có vũ trang, hay trong một cuộc giao tranh với một đơn vị du kích cộng sản.

Căn cứ vào các giấy tờ tùy thân, lúc đó người ta mới xác nhận được những người bị giết chính là các HTCSVC. Mặc dù các cuộc hành quân không nhắm vào họ lúc ban đầu...”

Báo Washington Post ra ngày 17 tháng 2, 1970, Robert G. Kaiser, Jr. đã tường thuật buổi điều trần của Colby. Bài báo chỉ trích chương trình Phụng Hoàng, và đã mô tả chương trình như đã diễn tiến như sau: “Các văn phòng Phụng Hoàng ở 44 tỉnh và phần nhiều trong số 242 quận của Miền Nam Việt Nam (tất cả đều có cố vấn Mỹ) đã lưu trữ những hồ sơ liên quan đến các viên chức Việt Cộng trong vùng và cả một danh sách bí mật những đàn ông và phụ nữ bị truy nã. Ngành Cảnh Sát Đặc Biệt (đơn vị tình báo của ngành Cảnh Sát Quốc Gia), các binh sĩ địa phương và các đơn vị Thám Sát Tỉnh (Provisional Reconnaissance Units, viết tắt là PRUs) gồm 18 người đã thực hiện những cuộc hành quân bắt giữ những người bị truy nã này. Những người bị bắt sẽ bị thẩm vấn. Khi có bằng chứng liên hệ với Việt Cộng, họ sẽ bị đem ra xét xử trước Ủy Ban An Ninh Tỉnh. Những người bị tình nghi cao hơn thì bị đưa ra Tòa Án Quân Sự Mặt Trận.” Bài báo còn nói rằng, “Phụng Hoàng đối với nhiều người ở Mỹ, thường được coi như là một Công Ty Âm Sát Người Việt (Vietnamese Murder Inc.)”

Phụng Hoàng được điều hành ở địa phương, nơi mà các vấn đề thường khởi sự. Mỗi trung tâm hành quân và phối hợp tình báo quận có những toán, thông thường gồm có một sĩ quan Quân Báo VNCH, một cố vấn tình báo Mỹ (thường là cấp úy), các nhân viên Cảnh Sát Đặc Biệt và các cán bộ binh định địa phương để thu thập các tin tức tình báo và thiết lập các hồ sơ về những người bị tình nghi là Việt Cộng trong phạm vi. Khi hồ sơ được hoàn tất, kẻ tình nghi sẽ bị bắt giữ.

Dưới cấp quận là cấp xã. Chủ trương chính là nhắm vào cấp xã. Tính đến năm 1969, 95% các xã đã có bầu cử xã trưởng và các Hội Đồng Xã. Các chính quyền xã nắm quyền kiểm soát các lực lượng vũ trang địa phương, bao gồm các Cán Bộ Phát Triển Nông Thôn, lực lượng Cảnh Sát, lực lượng Nhân Dân Tự Vệ, và lực lượng Nghĩa Quân. Phần lớn các nhiệm vụ của Phụng Hoàng ở cấp này được thi hành bởi các lực lượng nói trên.

Cũng có nhiều người bị tình nghi chỉ 1 hay 2 giờ sau khi bị bắt đã được thả. Nếu kẻ bị tình nghi không được thả ở cấp địa phương, nó sẽ bị giải đến Trung Tâm Thẩm Vấn tỉnh để thẩm tra và lập hồ sơ đưa ra trước Ủy Ban An Ninh tỉnh, tại đây các bằng chứng sẽ được xem xét và kẻ tình nghi sẽ bị kết án hay được tha. Ở một vài nơi, bởi vì nhiều đơn vị tỏ ra kém hiệu quả trong việc thi hành nhiệm vụ này, các cố vấn Mỹ đã tin tưởng vào các đơn vị thám sát tỉnh để nhắm vào các mục tiêu HTCSVC.

Các đơn vị thám sát tinh có về Mỹ nhiều hơn Việt Nam. Họ được tuyển mộ, huấn luyện, trả lương và điều hành bởi CIA; họ được huấn luyện kỹ như là những lính đánh thuê, được tuyển chọn từ những nhóm dân thiểu số Việt Nam, như người Nùng, người Miên hoặc từ những cán binh Việt Cộng đã ra đầu thú. Các đơn vị người nhái Hải Quân Mỹ làm việc với CIA thường chỉ đạo những cuộc hành quân này. Các thành viên của các đơn vị này được trả lương 15,000 đồng một tháng (1 người lính thường chỉ được lãnh có 4,000 đồng/tháng).

Cuối năm 1968, đơn vị CIA ở Sài Gòn thông báo cho cơ quanCORDS về dự định rút số nhân viên đang thi hành công việc cố vấn và điều hợp nhiệm vụ trong chương trình Phụng Hoàng. Cơ quanCORDS đã thay thế ngay lập tức bằng các sĩ quan cấp úy đã có huấn luyện. Sự thay đổi này đã tái xác nhận tầm quan trọng của việc thu thập tin tức tình báo độc lập như là nhiệm vụ cổ điển của CIA trong bất cứ tình huống nào có liên quan đến lợi ích quốc gia của Mỹ ở hải ngoại. CIA đã tạo ra cái khuynh hướng đứng ngoài các công tác chống nổi loạn.

Chương trình Phụng Hoàng Mỹ đã bắt động khi Bắc Việt tung ra cuộc tấn công Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, nhưng nó đã không ngưng hẳn hoạt động mãi cho tới năm 1973. Trong nỗ lực của nó nhằm vô hiệu hóa các HTCSVC, chương trình Phụng Hoàng đã sử dụng 450 nhân viên cố vấn quân sự Mỹ, trong số đó 262 người đã phục vụ trong những cuộc hành quân then chốt tại cấp quận. Theo Colby, chương trình Phụng Hoàng đã có kết quả là làm rã ngũ 17,000 cán binh VC, bắt giữ 28.000 kẻ bị tình nghi và làm thiệt mạng khoảng 20,000 người khác. Ông cũng nói rằng, 85% số người bị thiệt mạng bởi trong khi giao chiến với các lực lượng quân sự và bán quân sự của Việt Nam và Mỹ, trong số đó chỉ có 12% bị giết bởi các lực lượng cảnh sát và an ninh. Con số 12% đó, hầu hết bị chết trong lúc giao tranh, hay kháng cự lại sự bắt giữ.

Toàn Như

Nguồn: <https://groups.google.com/d/msgid/tieng-quehuong/>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VIỆT NAM VĂN HIẾN VỚI HƠN 10000 TÁC PHẨM